TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Đức Huy
2. Ông Trịnh Thế Phương Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã N, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Hoàng Tr, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Long An. Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã N, huyện T, tỉnh Long An. .(vắng mặt không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/3/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tú T trình bày: Do quen biết tự tìm hiểu nên bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Hoàng Tr tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ huyện B tỉnh Long An vào tháng 12 năm 2009 quyển số 1. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn là do ông Tr gây nợ cầm cố giấy tờ đất bà T phải trả nợ để chuộc lại giấy tờ đất bà T đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Tr không thay đổi, ngoài ra ông Tr còn thường xuyên la mắng bà T và mẹ vợ, xúc phạm bà T có quan hệ với người đàn ông khác, nhiều lần ông Trong yêu cầu bà T làm đơn ly hôn nên từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hiện tại bà T và ông Tr vẫn còn chung sống cùng nhà

với nhau nhưng việc ai nấy làm, ông Tr bà T không còn quan tâm chăm sóc yêu thương nhau, vợ chồng đã ly thân được 10 tháng, bà T xác định không còn tình cảm với ông Tr nên yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Lan A1, sinh ngày 9/12/2010, hiện con chung đang sống chung nhà với bà T ông Tr. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi, yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Hoàng Tr trình bày: Ông Tr thống nhất với phần trình bày của bà T về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung, nợ chung.

Theo ông Tr quá trình chung sống giữa ông và bà T có mẫu thuẫn do về tình cảm thì ông Tr không tin tưởng bà T vì bắt gặp bà T nói chuyện với người đàn ông khác ông Tr yêu cầu bà T gọi điện thoại lại để ông Tr nói chuyện thì bà T không đồng ý từ đó ông Tr nãy sinh nghi ngờ về sự chung thủy của bà T nên bực tức ông Tr có cự cãi với bà T, do làm ăn thất bại và lấy tiền xây dựng nhà nên ông Tr có mượn nợ nhưng ông Tr trả được. Ông Tr xác định còn yêu thương bà T nên không đồng ý ly hôn với bà T, ông Tr sẽ thay đổi tính tình để vợ chồng hòa hợp, ông Tr mong bà T cho ông cơ hội để hàn gắn tình cảm cùng nhau chăm sóc nuôi dạy con. Hiện ông Tr bà T còn sống chung nhà nhưng bà T không quan tâm ông Tr còn ông Tr thì vẫn quan tâm yêu thương vợ con, vợ chồng đã sống ly thân được 10 tháng.

Quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Trần Ngọc Lan A1, sinh ngày 9/12/2010, hiện con chung đang sống chung nhà với bà T ông Tr. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông Tr đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng, ông Tr đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nguyên đơn vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn. Các bên không thống nhất được việc giải quyết vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tú T và ông Trần Hoàng Tr có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay bà Nguyễn Thị Tú T yêu cầu ly hôn, ông Tr đang cư trú tại ấp 6, xã N, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị Tú T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Trần Hoàng Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tú T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do ông Tr gây nợ nần phải cầm cố giấy tờ đất và ông Tr ghen tuông nghi ngờ bà có mối quan hệ với người đàn ông khác. Quá trình hòa giải ông Tr xác định vợ chồng có mâu thuẫn do ghi ngờ bà T có mối quan hệ thân thiết với người đàn ông khác và bản thân ông có gây ra nợ nần. Ông Tr xác định đó là những mâu thuẫn nhỏ nên không đồng ý ly hôn nhưng HĐXX thấy từ những mâu thuẫn nhỏ này cả hai bên đều không khắc phục dẫn đến vợ chồng gây cãi và không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc nhau. Hiện nay cho dù còn sống chung nhà nhưng việc ai người đó làm và vợ chồng không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng với nhau.

Tòa án tiến hành hòa giải cho bà T và ông Tr trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để ông bà khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song giữa hai bên vẫn không tìm cách cải thiện mối quan hệ làm cho tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Bà T xin vắng mặt vẫn cương quyết ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng; bà T và ông Tr không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai đó sống; trường hợp không cho ly hôn thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông Tr thống nhất có 01 con chung tên Trần Ngọc Lan A1, sinh ngày 9/12/2010. Bà T ông Tr thống nhất giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cháu Lan Anh cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Tr tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ; thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2023 nên HĐXX ghi nhận.

Về tài sản chung: Bà T và ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này. Khi cần thiết bà Tvà ông Trcó quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Bà T và ông Tr xác định không có.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tú T đối với ông Trần Hoàng Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tú T được ly hôn với ông Trần Hoàng Tr.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc Lan A1, sinh ngày 9/12/2010 cho bà Nguyễn Thị Tú T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Hoàng Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Ngọc Lan A1, sinh ngày 9/12/2010 mỗi tháng 2.000.000đ cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 9/2023.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Tú T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003920 ngày 15/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Ông Trần Hoàng Tr phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tuấn